TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2019/HS-PT
Ngày 21 tháng 01 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn.

Ông Trần Văn Mười.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Kim Nhi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 626/2018/TLPT- HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo: Nguyễn Thế A, Nguyễn Xuân T, Đặng Văn Th, Bùi Xuân Tr. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. Nguyễn Thế A (tên gọi khác: Cu Anh), sinh năm 1983, tại tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn 6, xã ĐR, huyện ĐM, tỉnh Đăk Nông; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đăng Nh và bà Trần Thị Kim Ng (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị Ngọc V và 01 con (sinh năm 2013); Nhân thân: Ngày 26/6/2002, bị Công an thị trấn BĐ, huyện QT, tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính về tội "Trộm cắp tài sản". Bản án số 46/2002/HSST ngày 19/12/2002 của Tòa án nhân dân huyện QT, tỉnh Quảng Bình xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bản án số 09/2003/HSPT ngày 05/3/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm, y án sơ thẩm. Bị bắt tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến ngày 13/02/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Ngày 07/5/2018 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (vắng mặt).

2. Nguyễn Xuân T, sinh năm 1992, tại tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Thôn 2, xã ĐR, huyện ĐM, tỉnh Đăk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con

ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị T1; Có vợ là Nguyễn Thị H và 01 con (sinh năm 2017); Tiền án: Bản án số 19/2016/HSST ngày 30/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện ĐM, tỉnh Đăk Nông xử phạt bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội "Tổ chức đánh bạc". Bị bắt tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến ngày 06/6/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh (có mặt).

3. Bùi Xuân Tr, sinh năm 1980, tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn 2, xã ĐR, huyện ĐM, tỉnh Đăk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Xuân Ng1 và bà Nguyễn Thị D1; Có vợ là Trần Thị Quỳnh Ph và 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012); Nhân thân: Bản án số 79/2009/HSST ngày 05/8/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xử phạt bị cáo 18 tháng tù giam về tội "Tổ chức đánh bạc và gá bạc"; Bản án số 13/2009/HSPT ngày 22/10/2009 của Tòa án nhân dân tối cao xử phạt bị cáo 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, đã được xóa án tích. Bị bắt tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến ngày 26/4/2018, áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Ngày 07/5/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Đặng Văn Th, sinh năm 1987, tại tỉnh Bắc Giang; Nơi ĐKHKTT: Thôn 9, xã TT, huyện CJ, tỉnh Đăk Nông; Tạm trú: Thôn 3, xã DD, huyện KN, tỉnh Đăk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn Đ và bà Nguyễn Thị L; Có vợ là Hoàng Thị H1 và 02 con (lớn sinh năm 2010 và nhỏ sinh năm 2015); Nhân thân: Bản án số 03/2012/HSST ngày 19/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện CJ, tỉnh Đăk Nông xử phạt bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 19 tháng 26 ngày về tội "Trộm cắp tài sản", đã được xóa án tích. Bị bắt tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến ngày 13/02/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Ngày 07/5/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Bị cáo không có kháng cáo:

1. Phạm Văn H2, sinh năm 1986, tại tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn ĐH, xã ĐD, huyện KN, tỉnh Đăk Nông; Nghề nghiệp: Cán bộ bảo vệ rừng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn L1 (đã chết) và bà Phùng Thị H3; Có vợ là Phan Thị Thanh Th1 và 01 con (sinh năm 2016); Bị bắt tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến ngày 13/02/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Ngày 07/5/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (vắng mặt).

2. Vũ Viết Th2 (Cường Sida), sinh năm 1975, tại tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Tổ dân phố 13, thị trấn ĐM, huyện ĐM, tỉnh Đăk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Viết K (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ph1; Có vợ là Châu Thị L2 và 03 con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất đã chết); Nhân thân: Bản án số 59/2008/HSST ngày 04/11/2008 của Tòa án nhân dân huyện ĐM, tỉnh Đăk Nông xử phạt bị cáo 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc",

đã được xóa án tích. Bị bắt tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến ngày 06/6/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh (vắng mặt).

3. Hồ Thị Kinh O (tên gọi khác: Út), sinh năm 1979, tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi cư trú: Thôn ĐH, xã ĐS, huyện ĐM, tỉnh Đăk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ M và bà Phạm Thị Th3 (đã chết); Có chồng là Nguyễn Hải L3 (đã ly hôn) và 02 con (lớn sinh năm 2004 nhỏ sinh năm 2008); Bị bắt tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến ngày 13/02/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Ngày 07/5/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (vắng mặt).

4. Hồ Thị Kim L4 (tên gọi khác: Loan), sinh năm 1978, tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi cư trú: Thôn 10, xã ĐS, huyện ĐM, tỉnh Đăk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ M và bà Phạm Thị Th3 (đã chết); Có chồng là Phan Văn S và 04 con (lớn nhất sinh năm 2000 và nhỏ nhất sinh năm 2016); Bị bắt tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến ngày 08/02/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (vắng mặt).

5. Nguyễn Thị Thu H4, sinh năm 1977, tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Khối 8, thị trấn ĐM, huyện ĐM, tỉnh Đăk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình Tr1 (đã chết) và bà Phạm Thị H5; Có chồng là Lê Xuân Trùng D2 (đã chết) và 01 con (sinh năm 2001); Bị bắt tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến ngày 16/4/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Ngày 07/5/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (vắng mặt).

6. Lê Thị Thanh L5, sinh năm 1974, tại tỉnh Đăk Nông; Nơi cư trú: Bon ĐM, xã ĐD, huyện ĐM, tỉnh Đăk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Duy Kh (đã chết) và bà Nguyễn Thị L6; Có chồng là Nguyễn Văn H6 và 05 con (lớn nhất sinh năm 1995 và nhỏ nhất sinh năm 2006); Bị bắt tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến ngày 08/02/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (vắng mặt).

7. Lê Thị H7 (tên gọi khác: Lợi), sinh năm 1961, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Khối 11, thị trấn ĐM, huyện ĐM, tỉnh Đăk Nông; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Th4 và bà Hoàng Thị Th5 (đều đã chết); Có chồng là Lê L7 và 03 con (lớn nhất sinh năm 1983 và nhỏ nhất sinh năm 1993); Bị bắt tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến ngày 08/02/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 01/02/2018, Nguyễn Công D3 (sinh năm 1991, trú tại: Thôn ĐL, xã ĐM, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông) điều khiển xe ô tô loại 16 chỗ, nhãn hiệu Mecerdes Benz, biển kiểm soát 47B-016.14 chở theo khoảng 7-8 người đi từ nhà Lê Thiên Ph2 (sinh năm 1977, trú tại: Thôn ĐT, xã ĐM, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông) đến khu vực đường đất hai bên tiếp giáp với rẫy cà phê của ông Đậu Thiên T2 và ông Hoàng Thái H8, thuộc địa phận thôn ĐT, xã ĐM, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông để chơi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa. Đến 13 giờ 30 phút, Nguyễn Thế A điều khiển xe ô tô loại 16 chỗ ngồi nhãn hiệu Mecerdes Benz, biển kiểm soát 48B-000.48 đi từ nhà của Ph2 chở theo khoảng 7-8 người và đón các con bạc theo lộ trình từ chợ 312 xã ĐR lên dọc lối gần nhà thờ BA, xã ĐM, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông đi vào sòng bạc. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì tiến hành đánh bạc. Hình thức chơi xóc đĩa như sau: Người cầm cái cho 04 quân vị vào trong bát, rồi úp bát lên đĩa xóc lên, xuống nhiều lần, sau đó bỏ xuống chiếu để các con bạc tham gia đặt cược. Cách chơi là đặt cược chẵn, lẻ hoặc đặt cược ở bàn "senco". Sau khi các con bạc đặt cược xong, người cầm cái sẽ mở bát để xác định thắng thua. Nếu 02 hoặc 04 quân vị ngửa lên cùng một màu là chẵn, 01 hoặc 03 quân vị ngửa lên cùng một màu là lẻ. Còn ở bàn senco gồm có 03 quân vị trắng, 03 quân vị đen hoặc 04 quân vị trắng, 04 quân vị đen, mức đặt ở bàn senco có tỷ lệ ăn cao hơn mức đặt ở bàn chẵn, lẻ cụ thể nếu ra 03 quân vị đen hoặc 03 quân vị trắng thì 1 ăn 3,5; ra 04 quân vị đen hoặc 04 quân vị trắng thì 1 ăn 9. Trong sòng bạc, A có nhiệm vụ đưa đón các con bạc và mở bàn senco, Nguyễn Xuân T có nhiệm vụ làm hồ lỳ (lấy tiền bên thua chung cho bên thắng).

Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 16 giờ 30 cùng ngày thì bị Công an phát hiện truy đuổi bắt quả tang. Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 16.400.000 đồng, cụ thể như sau: A sử dụng 4.500.000 đồng; Tr sử dụng 2.500.000 đồng; Th2 sử dụng 2.500.000 đồng, H sử dụng 500.000 đồng, Th sử dụng 2.500.000 đồng, H2 sử dụng 1.700.000 đồng, O sử dụng 200.000 đồng, L4 sử dụng 500.000 đồng, L5 sử dụng 500.000 đồng, H7 sử dụng 1.000.000 đồng.

Vật chứng, đồ vật thu giữ: Thu giữ tại hiện trường 02 tấm bạt nhựa, 01 bình ắc quy, 01 túi nhựa, 01 thùng đựng đá, 70 ghế nhựa, 01 bộ dây điện gắn liền với 14 bóng đèn, 04 quân vị, 20 điện thoại di động và 02 xe ô tô 16 chỗ (Biển kiểm soát là 48B-000.48 và 47B-016.14). Thu giữ trên người các con bạc và những người liên quan 20 điện thoại di động và số tiền 5.530.000 đồng. Thu giữ trên xe ô tô biển kiểm soát 48B-000.48 số tiền 98.500.000 đồng và 04 điện thoại di động do các con bạc vứt lại, trong đó xác định được số tiền của bị cáo A là 4.000.000 đồng, của bị cáo H2 là 1.600.000 đồng. Mở rộng hiện trường tại khu vực sân xi măng nhà ông Lê Văn N ở Thôn ĐT, xã ĐM, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông, thu giữ xe ô tô hiệu Toyota – Fotuner, biểm kiểm soát 86A-06773 và một số giấy tờ trên xe.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HSST ngày 14/9/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thế A phạm các tội "Đánh bạc" và "Tổ chức đánh bạc"; bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; các bị cáo Phạm Văn H2, Bùi Xuân Tr, Đặng Văn Th, Vũ Viết Th2, Hồ Thị Kim O, Hồ Thị Kim L4, Nguyễn Thị Thu H4, Lê Thị Thanh L5 và Lê Thị H7 phạm tội "Đánh bạc".

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 55, của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế A 09 (Chín) tháng tù về tội "Đánh bạc" và 01 (Một) năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc", tổng hợp hình phạt của 02 tội, bị cáo Nguyễn Thế A phải chấp hành hình phạt chung là 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến 13/02/2018.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 5 Điều 65, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 01 (Một) năm tù, tổng hợp hình phạt 01 (Một) năm tù của Bản án số 19/2016/HSST ngày 30/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện ĐM, tỉnh Đăk Nông: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến 06/6/2018.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Xuân Tr):

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân Tr 08 (Tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến 26/4/2018.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Th 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến 13/02/2018.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Phạm Văn H2, Hồ Thị Kim O, Hồ Thị Kim L4, Nguyễn Thị Thu H4, Lê Thị Thanh L5, Lê Thị H7; áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Thị Thanh L5; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Vũ Viết Th2, Nguyễn Thị Thu H4, Lê Thị H7):

Xử phạt bị cáo Vũ Viết Th2 07 (Bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt các bị cáo Phạm Văn H2, Hồ Thị Kim Oanh, Hồ Thị Kim L4, Nguyễn Thị Thu H4, Lê Thị Thanh L5, Lê Thị H7, mỗi bị cáo 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của mỗi bị cáo là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, xử lý vật chứng và

quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/9/2018, bị cáo Nguyễn Thế A, Bùi Xuân Tr, Đặng Văn Th, Nguyễn Xuân T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo T xác định tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm là đúng nên tự nguyện rút kháng cáo. Các bị cáo Th, Tr xác định bị xét xử về tội "Đánh bạc" là đúng, không oan. Tuy nhiên, hình phạt là quá nặng so với hành vi phạm tội. Bị cáo Thành trình bày gia đình thuộc trường hợp có công với cách mạng, hiện vợ chồng đang ly thân, con còn nhỏ. Bị cáo Tr trình bày gia đình thuộc trường hợp có công với cách mạng, con còn nhỏ, vợ sức khỏe yếu. Vì vậy, các bị cáo Th, Tr đề nghị Tòa án giảm hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Bị cáo A vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án và không thuộc trường hợp hoãn phiên tòa nên việc xét xử vắng mặt bị cáo là có căn cứ. Bị cáo T tự nguyện rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo T. Tại phiên tòa, các bị cáo Th, Tr đã thừa nhận hành vi phạm tội. Trường hợp, có căn cứ xác định ông Đặng Thanh Đ được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang là bố của bị cáo Th thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về hình phạt cho bị cáo Th. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt 8 tháng tù đối với Tr và 7 tháng tù đối với Th là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Nguyễn Thế A, Bùi Xuân Tr, Đặng Văn Th, Nguyễn Xuân T kháng cáo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bị cáo A vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Ngọc V (là vợ bị cáo) đã nộp đơn xin hoãn phiên tòa do bị cáo A ký tên, với nội dung: Bị cáo A đã biết thời gian xét xử vụ án là ngày 21/01/2019 nhưng xin hoãn phiên tòa vì bị sốt đang điều trị tại nhà nên có thể không đảm bảo sức khỏe tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị cáo không cung cấp chứng cứ chứng minh đang bị ốm phải điều trị, được xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Hơn nữa, trong vụ án này bị cáo A chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Viện kiểm sát không kháng nghị tăng hình phạt nên việc xét xử vắng mặt bị cáo là đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T tự nguyện rút kháng cáo nên cần áp dụng Điều 348 để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo T.

[4] Qua xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, các bị cáo Th, Tr đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá

trình điều tra. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 ngày 01/02/2018, tại khu vực đường đất hai bên tiếp giáp với rẫy cà phê của ông Đậu Thiên T2 và ông Hoàng Thái H8, thuộc địa phận thôn ĐT, xã ĐM, huyện ĐM, tỉnh Đăk Nông, các bị cáo A và T đã đứng ra tổ chức cho các con bạc là Tr, Th2, H2, Th, O, Liên, H4, L5, H7 đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. A cũng trực tiếp tham gia đánh bạc. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đăk Nông bắt quả tang cùng tang vật thu giữ trên chiếu bạc số tiền 16.400.000 đồng.

[5] Hành vi của bị cáo A đã phạm các tội "Đánh bạc" và "Tổ chức đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 và điểm a khoản 1 Điều 322; bị cáo T đã phạm tội "Tổ chức đánh bạc" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322; các bị cáo Tr và Th đã phạm tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Đối với bị cáo A: Bị cáo là người tổ chức đồng thời cũng tham gia đánh bạc. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Công an thị trấn BĐ, huyện QT, tỉnh Quảng Bình xử lý hành chính về hành vi trộm cắp, năm 2003 bị Tòa án huyện QT, tỉnh Quảng Bình xử phạt 7 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Tổ chức đánh bạc", tội "Đánh bạc" và xử phạt 1 năm 9 tháng tù về 2 tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Th: Tại phiên tòa, bị cáo cung cấp Huy chương chiến sỹ vẻ vang do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cấp ngày 8/11/1995 cấp cho ông Đặng Thanh Đ và cho rằng ông Đặng Thanh Đ là bố bị cáo. Tuy nhiên, tại Kết luận điều tra số 48/PC45 ngày 18/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đăk Nông, Cáo trạng số 40/Ctr.VKS (P1) của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông và Danh bản do Công an tỉnh Đăk Nông lập đều thể hiện bị cáo có bố là Đặng Văn Đ nên không có căn cứ xác định ông Đăng Thanh Đ là bố bị cáo Th. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 7 tháng tù về tội "Đánh bạc" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Tr: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, gia đình bị cáo thuộc trường hợp có công với cách mạng như Tòa án sơ thẩm đã nhận định là đúng. Như vậy, bị cáo Tr có 2 tình tiết giảm nhẹ nhưng Tòa án xử phạt bị cáo 8 tháng tù là có phần nghiêm khắc, không tương xứng với hình phạt của các bị cáo trong cùng vụ án, cụ thể: Bị cáo Th có 1 tình tiết giảm nhẹ nhưng chỉ bị xử phạt 7 tháng tù, các bị cáo Th2, H2, O, L4, H4, L5, H7 cùng có 2 tình tiết giảm nhẹ nhưng chỉ bị phạt 7 tháng tù (bị cáo Th2) 6 tháng tù đối với các bị cáo khác và đều được được hưởng án treo. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tr, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần ý kiến của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, Th, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tr, sửa bản án sơ thẩm. Các bị cáo A, Th phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo T, Tr không

phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 348, điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T.

3. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Xuân Tr.

4. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Thế A, Đặng Văn Th.

5. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HSST ngày 14/9/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

6. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thế A phạm các tội "Đánh bạc" và "Tổ chức đánh bạc"; các bị cáo Bùi Xuân Tr, Đặng Văn Th phạm tội "Đánh bạc".

6.1 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 55, của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế A 09 (Chín) tháng tù về tội "Đánh bạc" và 01 (Một) năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc", tổng hợp hình phạt của 02 tội, bị cáo Nguyễn Thế A phải chấp hành hình phạt chung là 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến 13/02/2018.

6.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Xuân Tr):

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Th 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến 13/02/2018.

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân Tr 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến 26/4/2018 theo quy định pháp luật.

7. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thế A, Đặng Văn Th, mỗi bị cáo phải chịu chịu 200.000 *(Hai trăm ngàn)* đồng. Bị cáo Nguyễn Xuân T, Bùi Xuân Tr không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 01 năm 2019)./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Công an tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- BCTN có kháng cáo;
- Lưu VP, HS, 16bHTKN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Đức Phương